

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2013

Đơn vị tính: VND

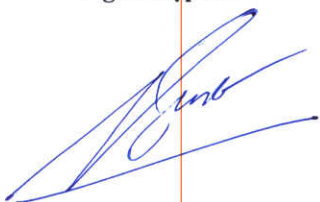
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
			Quý 1	Lũy kế	Quý 1	Lũy kế
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	178.006.237.800	178.006.237.800	189.921.748.360	189.921.748.360
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.877.730.520	1.877.730.520	111.156.114	111.156.114
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	176.128.507.280	176.128.507.280	189.810.592.246	189.810.592.246
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	131.617.553.031	131.617.553.031	143.480.055.074	143.480.055.074
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.510.954.249	44.510.954.249	46.330.537.172	46.330.537.172
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	2.895.575.805	2.895.575.805	27.552.499.601	27.552.499.601
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	6.106.424.674	6.106.424.674	6.569.935.933	6.569.935.933
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.827.476.295	5.827.476.295	6.441.946.921	6.441.946.921
8. Chi phí bán hàng	24		17.651.989.283	17.651.989.283	17.295.762.706	17.295.762.706
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.469.437.870	15.469.437.870	17.298.920.561	17.298.920.561
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.178.678.227	8.178.678.227	32.718.417.573	32.718.417.573
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.268.326.912	1.268.326.912	2.274.471.538	2.274.471.538
12. Chi phí khác	32		688.026.791	688.026.791	2.379.691.677	2.379.691.677
13. Lợi nhuận khác	40		580.300.121	580.300.121	(105.220.139)	(105.220.139)
14. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	50		452.667.954	452.667.954	(407.701.241)	(407.701.241)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		9.211.646.302	9.211.646.302	32.205.496.193	32.205.496.193
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	VI.8	5.278.050.636	5.278.050.636	10.005.013.229	10.005.013.229
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		3.933.595.666	3.933.595.666	22.200.482.964	22.200.482.964
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		(4.107.989.072)	(4.107.989.072)	(2.208.351.745)	(2.208.351.745)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	72		8.041.584.738	8.041.584.738	24.408.834.709	24.408.834.709
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	VI.9				

Vũng Tàu, ngày 14 tháng 05 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thành Hưng



Nguyễn Quang Tín



Trần Minh Phú